

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Điều 1: Điều kiện tiến hành Đại hội cổ đông .

Đại hội đồng cổ đông *được tiến hành khi* có số cổ đông dự họp *đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết* theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày đăng ký cuối cùng ngày 04/5/2023 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập.

Điều 2: Đoàn chủ tịch gồm 06 người do Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty làm Chủ tọa.

Điều 3: Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch.

- Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua.
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 4: Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 5: Ban thư ký Đại hội (gồm 02 người) do chủ tọa chỉ định. Ban Thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình, cụ thể:

- Ghi chép đầy đủ trung thực các nội dung diễn biến của Đại hội vào biên bản.
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.
- Tiếp nhận điện mừng, thư, các tài liệu có liên quan đến Đại hội.

Điều 6: Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty có tên trong danh sách người sở hữu chứng khoán chốt ngày đăng ký cuối cùng 04/5/2023 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp.

Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban Tổ chức Đại hội. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông không được ủy quyền cho người thứ 3.

Điều 7: Phát biểu ý kiến trong Đại hội

Vì thời gian có hạn Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn Chủ tịch (*qua Thư ký Đại hội*), nội dung phát biểu cần ngắn gọn, đúng trọng tâm, không trùng lặp.

Điều 8: Biểu quyết

- 8.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền biểu quyết các vấn đề tại Đại hội bằng phiếu biểu quyết.
- 8.2. Cổ đông, đại diện cho nhóm cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.
- 8.3. Các vấn đề được biểu quyết trong Đại hội được thông qua theo Điều lệ của Công ty.

Điều 9: Cổ đông, người Đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo điểm b, khoản 7, điều 146 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Trên đây là Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông được thực hiện thuận lợi, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Số: 46./BC-ICIC

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

Nhằm mục tiêu kiểm điểm, đánh giá tình hình hoạt động năm 2022, dự kiến xây dựng kế hoạch năm 2023 và các nhiệm vụ khác, nội dung tổng kết năm 2022 của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp (ICIC) gồm các vấn đề sau:

- Phần 1: Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022.
- Phần 2: Kế hoạch năm 2023, gồm: Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu và giải pháp thực hiện.

PHẦN 1

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

1. Đánh giá tình hình chung

Những tháng đầu năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn do: tình hình dịch bệnh Covid-19 phát triển mạnh tạo ra nhiều ảnh hưởng tiêu cực, nhất là trong 3 tháng đầu năm tại Hà Nội; giá nguyên vật liệu đầu vào trong đó có sắt, thép, nguyên liệu đầu vào chính của Công ty tăng cao; xung đột quân sự giữa Nga và Ucraina, chính sách Zero Covid của Trung Quốc đã ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu đồng thời làm giá dầu, lạm phát toàn cầu cũng như tại Việt Nam liên tục tăng, tạo ra những thách thức, rủi ro cho kinh tế.

Từ giữa năm 2022, dịch bệnh Covid-19 tại Việt Nam cơ bản đã được kiểm soát, thế giới dần phục hồi nhưng còn chậm, không đồng đều, chưa thật sự vững chắc. Mặc dù Việt Nam chủ trương chính sách sống chung với dịch để khôi phục lại toàn bộ hoạt động kinh tế - xã hội nhưng do nhiều yếu tố bất lợi trên thế giới như xung đột quân sự Nga - Ucraina vẫn chưa chấm dứt và Trung Quốc vẫn thực hiện chính sách Zero Covid nên giá cả nguyên vật liệu đầu vào vẫn có biến

động lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu chưa được khôi phục. Bên cạnh đó lạm phát, tỷ giá và lãi suất tăng cao, nhất là những tháng cuối năm cũng gây khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ICIC.

Việc thay đổi chức vụ lãnh đạo chủ chốt, kiện toàn công tác cán bộ của Công ty mặc dù được sự thống nhất cao từ cấp ủy Đảng, lãnh đạo chuyên môn và nhận được sự ủng hộ của cán bộ, đảng viên và người lao động song ít nhiều vẫn ảnh hưởng đến tâm tư, tình cảm của cán bộ, đảng viên và người lao động. Đồng thời các đồng chí mới được bổ nhiệm cũng cần có thời gian để tiếp cận công việc, đảm bảo sự ổn định và xây dựng kế hoạch phát triển trong thời gian tới.

Với tinh thần chủ động đối phó với các khó khăn kết hợp với sự chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo Công ty cũng như sự cố gắng phấn đấu, quyết tâm vượt khó của toàn thể cán bộ công nhân viên, năm 2022 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dần ổn định và có kết quả như sau:

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ % TH/KH
1	2	3	4=3/2
Doanh thu	40.000	27.000	67,5
Lợi nhuận sau thuế	400	75	18,75
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	>6.000.000	>6.500.000	100

- Doanh thu xây lắp thực hiện là **27,006** tỷ đồng **bằng 266% năm 2021**, Lợi nhuận sau thuế là: **75,02** triệu đồng.

- Công ty có 36 lao động (Văn phòng Công ty có 17 người, Xí nghiệp XD số 1 có 10 người, còn lại là các bộ phận khác) với mức thu nhập bình quân ước thực hiện năm 2022 trên 6.000.000đồng/người/tháng, đạt 100% kế hoạch năm 2022.

Nhìn chung các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện năm 2022 so với Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2022 của Công ty đều cơ bản không hoàn thành. Lợi nhuận thấp cũng một phần là do thuế đất tăng và các chi phí phát sinh để giải quyết tồn tại tài chính tại XNXD số 5 và XNXD số 7. Một số chỉ tiêu của năm 2022 chưa được như kỳ vọng đặt ra do các yếu tố khách quan, song với tình hình hoạt động rất nhiều khó khăn, bất lợi thì kết quả trên là sự nỗ lực của Công ty trong năm.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị

3.1. Cơ quan Văn phòng công ty

Năm 2022, văn phòng Công ty tiếp tục thực hiện các hợp đồng ký từ năm 2021 và một số hợp đồng ký từ giữa năm 2022 như:

1. Hợp đồng ký mới: Ngày 26/07/2022, Công ty đã ký HĐTC với Ban QLDA Đầu tư xây dựng Quận Ba Đình, Gói thầu Xây lắp (Giai đoạn 2) thuộc dự án “Xây dựng trụ sở làm việc tại 327 Đội Cấn” với giá trị **1.729.077.000** đồng và thời gian thi công là 140 ngày.
2. Hợp đồng ký mới: Ngày 29/09/2022, Công ty đã ký HĐTC với Ban Đầu tư và Xây dựng 307, Gói thầu xây lắp 20 “Xây dựng và lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải” thuộc dự án “Đầu tư xây dựng khu đầu làng thuộc khu các làng dân tộc, làng văn hóa - du lịch các dân tộc Việt Nam” với giá trị **10.639.199.000** đồng và thời gian thi công là 120 ngày. Công ty đã tổ chức thi công gấp theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Đến 31/12/2022, Doanh thu năm 2022 là: 8.776.860.165 đồng, đạt tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Những tháng cuối năm 2022 đã ký được một số hợp đồng như:

Hợp đồng ký mới: Ngày 26/12/2022, Công ty ICIC ký Hợp đồng số 695/2022/HĐ-XD với Trung tâm phát triển quỹ đất Huyện Đông Anh, Gói thầu XL số 01 (San nền+giao thông+thoát nước mưa+thoát nước thải+cây xanh); Dự án: Xây dựng khu đấu giá quyền sử dụng đất NO-17 và NO-19 xã Vân Hà, huyện Đông Anh với giá trị **34.361.888.000** đồng và thời gian thi công là 236 ngày;

Hợp đồng ký mới: Ngày 28/12/2022, Công ty ICIC ký Hợp đồng số 281/2022/HĐ-XD với Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng Huyện Mê Linh, Gói thầu số 15: Toàn bộ phần xây dựng công trình (không bao gồm PCCC); Thuộc dự án: Cải tạo, nâng cấp xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường THCS Liên Mạc, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh với giá trị **57.581.263.000** đồng (Chi phí XD là: 55.419.888.000 đồng và Chi phí dự phòng là: 2.161.375.000 đồng), thời gian thi công là 407 ngày;

Tuy nhiên vẫn còn một hợp đồng (chuyển tiếp từ năm 2021 sang) do các yếu tố khách quan nên tiến độ bị kéo dài dẫn đến thu hồi vốn chậm đó là công trình “Thi công xây dựng khu nhà biệt thự Bích Liên, Thanh Liên khu Wyndham”, tại xã Đông Trung, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Bên cạnh đó, việc Nhà nước áp dụng tăng thuế đất tại 02 cơ sở: 158 Hạ Đình và khu Vĩnh Quỳnh (tăng khoảng **400.000.000đồng**) đã làm tăng chi phí của Công ty và việc không đạt được Doanh thu như kế hoạch nên dẫn đến lợi nhuận trước thuế năm 2022 không đạt như kế hoạch kế hoạch.

3.2. Chi nhánh Công ty ICIC - Xí nghiệp Xây dựng số 1

Năm 2022, mặc dù gặp nhiều khó khăn như: tác động của dịch Covid-19 những tháng đầu năm; cuộc xung đột Nga - Ucraina dẫn đến một số công trình Xí nghiệp XD số 1 khai thác vì nhiều lý do khách quan không thực hiện được theo kế hoạch đề ra, cụ thể là:

1. Gói thầu: Thi công lắp đặt điện nước trong nhà và ngoài nhà giữa HTX Đầu tư khai thác và Quản lý chợ Nam Việt - Lăng Cô và Công ty ICIC được ký kết giao nhận thầu ngày 05/03/2022.

Giá trị gói thầu: 14.388.699.000 đồng (gồm VAT)

Phụ lục phát sinh ngày 07/03/2022 là: 1.146.938.000 đồng (gồm VAT)

Tổng cộng : 15.535.637.000 đồng (gồm VAT)

Thời gian thực hiện Hợp đồng : 270 ngày

2. Gói thầu: “Cung cấp lắp dựng cửa nhôm, cửa cuốn” tại Lăng Cô - Huế giữa HTX Đầu tư khai thác và Quản lý chợ Nam Việt - Lăng Cô và Công ty ICIC được ký kết giao nhận thầu ngày 02/08/2022, với giá trị là **13.316.490.000** đồng, thời gian thi công: 165 ngày.

Tuy nhiên, Xí nghiệp vẫn duy trì được các công trình nhỏ với các đối tác mới, cuối năm 2022, Xí nghiệp đã có:

Hợp đồng ký mới: Ngày 20/12/2022, Liên danh ICIC-ICIC.3 đã ký Hợp đồng số 05/HĐ-XD với Phòng Hậu cần Công an TPHCM, Gói thầu XL-05: Thi công cơ sở tạm giữ thuộc Công an Quận Gò Vấp; Dự án “DATP đầu tư xây dựng công trình Cơ sở tạm giữ thuộc Công an Thành phố Hồ Chí Minh” với giá trị 23.798.797.000 đồng và thời gian thi công là 330 ngày; Giá trị XNXD số 1 thực hiện là: **22.237.665.000** đồng.

3.3. Xử lý tồn tại ở các Chi nhánh của Công ty

- Chi nhánh Công ty ICIC - XNXD số 5 (Ông Lương Mạnh Hùng làm Giám đốc XN) đang dừng hoạt động, Công ty ICIC là bị đơn đang phải đương đầu với 02 vụ án dân sự bị các Công ty (Các Công ty ký Hợp đồng kinh tế với XNXD số 5 để thi công công trình “Nhà điều hành Công ty tuyển than Cửa Ông –TKV”) khởi kiện và Công ty ICIC đã bị Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân bằng các biện pháp nghiệp vụ đã cưỡng chế thu hồi từ tài khoản của Công ty ICIC số tiền là: **1.017.745.424 đồng** (Thời điểm thực hiện: Ngày 31/05/2022) - Vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại “Tám trần kim loại” của Công ty Tuấn Cường. Vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại còn lại (Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng Hà Vy) đã được Tòa án Nhân dân TP Hà Nội ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết (Quyết định số 03/2022/QĐPT-TĐC, ngày 26/08/2022). Hiện nay XNXD số 5 còn nợ thuế là **618.843.006 đồng**. Vì khoản

nợ thuế đã lâu nên ngày 24/05/2022 Sở KH&ĐT T.p Hà Nội đã có quyết định thu hồi giấy phép ĐKKD của XNXD số 5 nhưng chưa tiến hành chính thức về việc thu hồi này. Nếu việc này xảy ra sẽ dẫn đến việc xử lý các vấn đề còn tồn tại của XN5 là rất khó khăn và phức tạp.

Mặt khác Công ty ICIC đã tiếp tục có đơn tố giác với PC03 Công an Thành phố Hà Nội đối với cá nhân Ông Lương Mạnh Hùng. Ngày 09/06/2022 Công an TP HN đã ra Quyết định số 136 khởi tố vụ án hình sự, ngày 24/10/2022 ra Quyết định khởi tố bị can số 801 đối với Lương Mạnh Hùng, về tội Vi phạm về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng (quy định tại khoản 3 Điều 221 BLHS). Ngày 09/11/2022, Viện KSND Thành phố Hà Nội đã ra quyết định số 147/QĐ-VKS-P3 phê chuẩn Lệnh khám xét số 90 ngày 24/10/2022 của Cơ quan CSĐT - Công an TPHN đối với Lương Mạnh Hùng.

- Chi nhánh Công ty ICIC - XNXD số 7, Giám đốc xí nghiệp này là ông Nguyễn Văn Tuyền, đang ngừng hoạt động, để quyết toán các công trình đã thi công bàn giao cho chủ đầu tư nhiều năm, mà chưa quyết toán và giải quyết các công nợ với khách hàng, Công ty và nợ thuế ... Xí nghiệp đã có báo cáo gửi Công ty ngày 30/11/2022. Hiện nay, XNXD số 7 đang còn nợ thuế là **2.882.446.268**. Vì khoản nợ thuế đã lâu nên ngày 24/05/2022, Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội đã có quyết định thu hồi giấy phép ĐKKD của XNXD số 7 nhưng chưa tiến hành chính thức về việc thu hồi này. Nếu việc này xảy ra sẽ dẫn đến việc xử lý các vấn đề còn tồn tại của XNXD số 7 là rất khó khăn và phức tạp .

Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, trong năm 2022, Tổng giám đốc Công ty cùng với các phòng ban chức năng đã rất kiên quyết, tổ chức nhiều cuộc họp với Ông Tuyền đơn đốc làm hồ sơ thanh quyết toán các công trình còn đang tồn tại, tìm biện pháp thu hồi công nợ tại các công trình của Bộ Công an, đã trực tiếp đến Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ Công an (C01) để làm việc với các bộ phận chức năng; tuy nhiên do Bộ Công an thực hiện Nghị định của Chính phủ kể từ ngày 06/08/2018 không còn cấp Tổng cục nên các công trình trong giai đoạn thanh quyết toán còn gặp nhiều vướng mắc về thủ tục hành chính. Tại thời điểm lập báo cáo, C01 - Bộ Công an đã có văn bản thông báo lịch làm việc với Công ty ICIC trong thời gian tới.

Hiện tại việc quản lý, sử dụng con dấu của 02 Xí nghiệp (XNXD số 5 và XNXD số 7) đang do Phòng Tổ chức - Hành chính Công ty quản lý.

- Chi nhánh Công ty ICIC tại Thành phố HCM (do Ông Trần Vĩnh Thuật làm Giám đốc) đã chấm dứt hoạt động theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 27/03/2020 của HĐQT Công ty ICIC; ngày 19/09/2022 Công ty cp Hạ tầng Công nghiệp ICIC (Đơn vị thành lập mới trên cơ sở Phương án tách, thành lập mới của Chi nhánh Công ty ICIC tại Thành phố HCM) có văn bản số 83/CV-GĐ.ICIC gửi HĐQT và Tổng giám đốc Công ty ICIC về việc “Đề nghị xác nhận

chưa thực hiện mua cổ phần tại Công ty cp Hạ tầng Công nghiệp Gia Định - ICIC. Ngày 21/09/2022, Tổng GD Công ty đã có Tờ trình số 131/TTr-TGD/ICIC gửi HĐQT Công ty về việc: Phê duyệt ủy quyền cho TGD ký văn bản không góp vốn cho Công ty cp Hạ tầng Công nghiệp Gia Định -ICIC, Ngày 28/09/2022, HĐQT có văn bản số 137/CV-HĐQT yêu cầu TGD có văn bản báo cáo cụ thể về các vấn đề liên quan đến Công ty cp Hạ tầng Công nghiệp Gia Định -ICIC; Ngày 29/09/2022, TGD đã có báo cáo số 138/CV-TGD gửi HĐQT theo tinh thần của văn bản số 137/CV-HĐQT;

Ngày 10/10/2022, Công ty đã có văn bản gửi Chi nhánh Công ty cp Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp tại TPHCM có báo cáo rõ ràng về việc nêu trên (yêu cầu hoàn thiện trước ngày 14/10/2022); Thanh tra Sở KHĐT Thành phố HCM tiếp tục gửi Giấy mời (lần 2,3) về hồ sơ đăng ký thay đổi của CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG - CÔNG NGHIỆP GIA ĐỊNH -ICIC, TGD đã yêu cầu Chi nhánh ICIC tại TPHCM dự họp và Ông Trần Gia Hưng, đại diện Công ty ICIC cũng đã tham dự cuộc họp với Thanh tra Sở KHĐT TPHCM (ngày 06/01/2023).

Ngày 06/01/2023 Chi nhánh ICIC tại TPHCM đã có văn bản số 0601/VB-CN gửi Cục thuế TPHCM đề nghị không tính phạt nộp chậm.

Sau khi có kết quả trả lời của Cục thuế TPHCM, văn bản báo cáo của Chi nhánh thì Tổng giám đốc Công ty sẽ có văn bản báo cáo cụ thể với HĐQT.

3.4. Hoạt động của các Công ty liên kết

- Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp ICIC.3 có trụ sở tại 158 Hạ Đình .TP Hà Nội (Công ty góp vốn 2 tỷ /10 tỷ vốn điều lệ =20%): năm 2022 không có cổ tức.

- Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp 24.ICIC (Công ty góp vốn 6,5 tỷ/27 tỷ vốn điều lệ = 24%) có trụ sở tại 68 phố Quan Nhân, Thanh Xuân TP Hà Nội: năm 2022 không có cổ tức.

- Công ty cổ phần Đầu tư và Cơ giới xây dựng, Trụ sở tại 68 Phố Quan Nhân, Thanh Xuân Hà Nội (Công ty góp vốn 2,5 tỷ/15 tỷ vốn điều lệ = 16%): năm 2022 không có cổ tức.

- Công ty CP Tư vấn thiết kế kiến trúc và Xây dựng công nghiệp trụ sở Tại 158 Hạ Đình, Thanh Xuân Hà Nội (Công ty góp vốn 300 triệu/1,5 tỷ vốn điều lệ =20%): Công ty nhiều năm liên tục cho đến nay không có cổ tức.

- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp ICIC.9 có Trụ sở tại Địa chỉ tại 186/5/2 đường trục phường 13 quận Bình Thạnh TP.HCM trụ sở thuê của Công ty ICIC: năm 2022 không có cổ tức .

- Công ty Bê tông ly tâm VINAINCON có Trụ sở tại huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương (Công ty góp vốn 2 tỷ/ 40 tỷ vốn điều lệ = 5%), đến thời điểm lập báo

cáo thì tình hình kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, tiếp tục bị cưỡng chế hóa đơn, dự kiến năm 2022 không có cổ tức. Theo số liệu báo cáo tài chính thì năm 2022 tiếp tục lỗ **4.348.111.593 đồng**.

II. Công tác tài chính

1. Đánh giá tình hình tài chính của Công ty

1.1. Đánh giá chung

Việc đương đầu với các vụ kiện và làm việc với các cơ quan pháp luật đối với Xí nghiệp xây dựng số 5; chi phí thuê đất tăng cũng phát sinh nhiều chi phí, dẫn đến Công ty lợi nhuận cả năm không đạt kế hoạch năm đề ra.

Các Chi nhánh vẫn còn tồn tại các vướng mắc tài chính hầu hết phát sinh trước nhưng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa được giải quyết dứt điểm, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Chi nhánh ICIC - Xí nghiệp XD số 5 và số 7: Chưa thanh toán nợ ngân sách nhà nước dẫn đến tình trạng bị cưỡng chế đóng mã số thuế, không còn khả năng hoạt động, hiện tại đang tìm mọi biện pháp để khắc phục, tăng cường công tác thanh quyết toán để thu hồi công nợ, có nguồn để nộp thuế.

Hầu hết các Công ty liên kết do ICIC đầu tư vốn hoạt động không hiệu quả chưa mang lại được lợi nhuận cho Công ty.

Tuy hiệu quả sản xuất kinh doanh không cao nhưng phần lớn các công trình Công ty đã ký kết hợp đồng và thi công đều đảm bảo thu xếp đủ vốn cho hoạt động sản xuất.

1.2. Tình hình tài chính hiện tại của Công ty

- Chủ động xây dựng kế hoạch tài chính và làm việc với các tổ chức tín dụng để đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Việc xử lý các tồn tại tài chính từ trước hầu như không có biến chuyển so với năm 2021: Công tác thu hồi công nợ khó đòi gặp nhiều khó khăn, kết quả đạt được chưa như kỳ vọng, tỷ lệ thu hồi thấp, không đáng kể;

- Đối với quản lý nợ phải thu khó đòi. Căn cứ vào tình hình thực tế Công ty đã trích dự phòng theo quy định.

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Nhìn chung, Công ty ICIC đã chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách pháp luật về thuế và đã khắc phục triệt để việc xảy ra tình trạng chậm kê khai (tính theo thông báo của ngành thuế trước tháng 06/2022), chậm nộp ngân sách kéo dài (ngoại trừ Xí nghiệp 5 và Xí nghiệp 7).

3. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo

Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các quy định về chế độ Báo cáo tài chính. Tuy nhiên thời gian tới cần rà soát về chất lượng báo cáo để đánh giá đúng tình hình.

Công ty đã thực hiện công tác giám sát tài chính theo đúng quy định, hoàn tất các thủ tục chấp thuận Báo cáo tài chính.

III. Công tác nhân sự, lao động tiền lương

1. Công tác nhân sự

1.1. Tình hình thực hiện

Năm 2022, Công ty đã thực hiện kiện toàn nhân sự cấp cao, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Nhất Tuấn được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng giám đốc ICIC kể từ ngày 01/06/2022.

- Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Anh Dương kể từ ngày 29/07/2022.

- Ban giám đốc Công ty hiện tại có: 01 Tổng giám đốc và 01 Phó tổng giám đốc.

1.2. Một số đánh giá về công tác nhân sự

Hiện nay đội ngũ cán bộ quản lý trong Công ty rất thiếu, một người kiêm nhiệm nhiều công việc do vậy cũng gặp nhiều khó khăn, chất lượng công việc kém, mất nhiều thời gian, đây cũng là một khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Công tác lao động, tiền lương

2.1. Lao động và thu nhập

Trong năm 2022, Công ty vẫn thu xếp được việc làm, đảm bảo công ăn việc làm, giữ chân người lao động, thu nhập bình quân thực tế cao hơn kế hoạch năm.

Toàn Công ty có 36 lao động, với mức thu nhập bình quân thực hiện năm 2022 là 6,5 triệu đồng/người/tháng.

2.2. Công tác tiền lương

Công ty còn nhiều khó khăn nên mức lương còn hạn chế, tuy nhiên Công ty vẫn trả lương đầy đủ, kịp thời cho người lao động, không nợ lương.

Đã áp dụng nghiêm túc, đầy đủ các Nghị định, Thông tư của các cơ quan Nhà nước việc đóng BHXH cho người lao động theo đúng thời hạn quy định, không để xảy ra trường hợp quá thời hạn làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động.

IV. Công tác đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản

Trong năm 2022, Công ty chỉ tiến hành sửa chữa nhỏ tại 158 Hạ Đình với giá trị là 43 triệu đồng.

Thực hiện công tác đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh tại Công ty chưa có.

PHẦN II XÂY DỰNG KẾ HOẠCH 2023

A. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023

- *Các yếu tố khách quan:*

Mặt tích cực

- Năm 2022 theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) dự báo tình trạng khẩn cấp y tế toàn cầu do dịch Covid-19 sẽ chấm dứt trong năm 2023, đây là một tín hiệu tích cực cho nền kinh tế thế giới sau 3 năm bùng phát dịch bệnh.
- Trung Quốc, nước cung ứng nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất lớn nhất ở Việt Nam sẽ chấm dứt chính sách Zero Covid từ 08/01/2023.
- Việt Nam nằm trong châu Á, được đánh giá là khu vực tăng trưởng tích cực trong năm 2023 và trở thành “bệ đỡ” cho tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Các nền kinh tế thị trường mới nổi lớn của châu Á chiếm gần 3/4 mức tăng trưởng GDP toàn cầu vào năm 2023.

Khó khăn

- Dự báo kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn do môi trường quốc tế đang kém thuận lợi một số khu vực, quốc gia, đặc biệt là các đối tác kinh tế lớn của Việt Nam có thể rơi vào suy thoái nhẹ, làm giảm lực cầu xuất khẩu, đầu tư, tiêu dùng và du lịch quốc tế.
- Giải ngân đầu tư công cũng như các chương trình phụ hồi sau Covid-19 vẫn còn chậm; Áp lực lạm phát, tỷ giá, lãi suất cao vẫn là thách thức lớn trong năm 2023; Nợ xấu tiềm ẩn có thể gia tăng trong thời gian tới.

- *Các yếu tố nội tại:*

Điểm mạnh

Là một trong những doanh nghiệp xây dựng có bề dày truyền thống được nhiều bạn hàng và chủ đầu tư đánh giá cao; Các xí nghiệp đang hoạt động và các Công ty liên kết của Công ty có cơ sở hạ tầng được đầu tư mới khang trang, sạch sẽ đáp ứng môi trường công nghiệp và đã đi vào hoạt động ổn định; Sự đồng lòng, quyết tâm của toàn thể cán bộ CNV Công ty.

Điểm yếu

- Nguồn lực tài chính, nhân lực còn thiếu và yếu.
- Một số các Chi nhánh có những tồn tại gây ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

B. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2023 và giải pháp thực hiện

I. Các chỉ tiêu chủ yếu của Công ty

Việc xây dựng kế hoạch năm 2023, mục tiêu lớn nhất của Công ty là đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động.

Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2023 được xây dựng trên cơ sở tình hình thực tế và đăng ký kế hoạch năm 2023 của Cơ quan Văn phòng Công ty và các Chi nhánh. Cụ thể như sau:

Tổng hợp toàn Công ty

- Giá trị sản lượng :	98,0 tỷ đồng
- Tổng doanh thu:	65,0 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	0,40 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân	>6,5 triệu đồng/người/tháng.

II. Giải pháp thực hiện kế hoạch

1. Về quản trị

- Tiếp tục tổ chức quản lý, kiểm soát hoạt động Công ty bằng bộ máy điều hành gọn nhẹ, hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp; sắp xếp nhân sự theo hướng chuyên môn hóa; xây dựng chức danh phù hợp với phạm vi công việc; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc quản lý...

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và việc chấp hành các quy định pháp luật của Công ty trong công tác quản lý tại các chi nhánh và các Công ty liên kết nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vốn Công ty vào các công ty liên kết.

- Quản lý tập trung: Xây dựng phương án kinh doanh, làm rõ tính khả thi của từng công trình, hạch toán chi phí cụ thể..., từ đó xác định được công trình nào lỗ, công trình nào kém hiệu quả, để xác định được trách nhiệm của từng tập thể và cá nhân trong quá trình quản lý, điều hành các công trình trong Công ty. Trong các năm trước đây (2020,2021) do dịch bệnh COVID kéo dài nên tình hình SXKD chung của Công ty bị suy giảm rõ rệt nên hình thức trên chưa được thực hiện. Năm 2022, Công ty đang từng bước tìm kiếm các Hợp đồng kinh tế mới, phục hồi dần về Doanh thu và sản lượng nên cần có thời gian để xây dựng mô hình “Quản lý tập trung”. Công ty triển khai mô hình quản lý trực tiếp, để chủ động đảm bảo chất lượng, tiến độ, thẩm mỹ và nâng cao thương hiệu của Công ty là điều rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Các dự án giao khoán thi công phải đảm bảo chất lượng, tiến độ hiệu quả đảm bảo thỏa mãn các yêu cầu khắt khe từ Chủ đầu tư.

2. Phát triển thị trường, tìm kiếm hợp đồng và các Chủ đầu tư mới

- Duy trì, giữ mối liên hệ thường xuyên với những khách hàng truyền thống. Thực hiện nghiêm túc những điều khoản đã ký kết, đặc biệt là về chất lượng, mỹ thuật và tiến độ thi công các công trình;

- Tích cực tìm kiếm khách hàng, chủ đầu tư mới bằng việc sử dụng kết hợp sử dụng nhiều nhiều hình thức kể cả liên danh, nhất là các Chủ đầu tư có dự án đầu tư với giá trị cao. Phân đầu tìm kiếm thêm đối tác để mở rộng và tăng khả năng cạnh tranh khi đấu thầu.

3. Công tác tài chính.

- Hợp tác chặt chẽ với các Ngân hàng, các tổ chức tín dụng đảm bảo khả năng thu xếp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh với chi phí hợp lý nhất. Tăng cường đôn đốc trong công tác thu hồi công nợ.

- Quán triệt và nâng cao tinh thần tiết kiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh đối với toàn thể cán bộ, công nhân viên.

4. Về tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực và tiền lương

- Tập trung đào tạo nguồn nhân lực, tuyển dụng nhân lực mới có trình độ để đáp ứng ngay trong việc sản xuất kinh doanh, đấu thầu trên mạng ...vv; Chú trọng việc phát triển nguồn nhân lực để nâng cao năng lực quản lý, trình độ kỹ thuật và ngoại ngữ; có chính sách tiền lương và chính sách đãi ngộ phù hợp với người lao động theo nguyên tắc hiệu quả.

- Các phòng ban chức năng, xí nghiệp: có sự quan tâm, có kế hoạch xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng lực lượng cán bộ kế cận, thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ.

- Tiếp tục xem xét, kiện toàn, bổ sung, xây dựng tập thể từ Ban điều hành, phòng ban và các đơn vị trở thành một tập thể đoàn kết, năng động và chất lượng thích nghi với các biến động của môi trường kinh doanh.

- Phát huy tính chủ động của các Xí nghiệp trong công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm và tổ chức thực hiện các hợp đồng.

- Thực hiện tốt sự phân cấp quản lý lao động giữa công ty và xí nghiệp thành viên nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu lao động trong hoạt động sản xuất tại đơn vị.

- Bổ sung, sửa đổi các nội quy, quy chế, quy định nội bộ nhằm hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động SXKD của các đơn vị trong toàn công ty, đồng thời giám sát, quản lý có hiệu quả.

Thay mặt Ban điều hành, chúng tôi xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban kiểm soát đã hỗ trợ, tạo điều kiện để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ.

Xin trân trọng cảm ơn./.


TM BAN ĐIỀU HÀNH
Tổng giám đốc

Nguyễn Nhật Tuấn

Số: 71/BC-ICIC

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Nhân sự hội đồng quản trị năm 2022:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã bầu 05 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 gồm:

1. Trần Gia Hưng
2. Vũ Khắc Đáp
3. Đinh Văn Viện
4. Phạm Hùng
5. Nguyễn Thị Vinh

Ông Trần Gia Hưng được bầu là Chủ tịch HĐQT.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các phiên họp: 06 phiên họp
- Xin ý kiến bằng văn bản: 07 lần
- Các hoạt động chính:
 - Chỉ đạo, tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2022.
 - Chỉ đạo triển khai Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2022.
 - Lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam là đơn vị đủ điều kiện theo Thông báo của Bộ Tài chính thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
 - Chỉ đạo và cùng Ban điều hành giải quyết các vụ kiện dân sự: Vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại với Công ty Tuấn Cường và Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng Hà Vy
 - Trực tiếp cùng Tổng giám đốc và Ban điều hành phối hợp tích cực với Cục PC03 – Công an Tp.Hà Nội đối với vụ án hình sự của ông Lương Mạnh Hùng – Giám đốc XNXD số 5.

- Chỉ đạo và cùng Ban điều hành giải quyết việc nợ đọng thuế của 02 XNXD số 5 và XNXD số 7. Hiện Cục thuế Thành phố Hà Nội có văn bản số 13445/CTHN-QLN ngày 22/03/2023 đề nghị Công ty lập đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 để Cục Thuế TPHN xem xét, giải quyết.
Việc nợ thuế của 2 xí nghiệp này đã ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty vì vậy Hội đồng quản trị đã phải họp và đưa ra các hướng giải quyết để giúp Ban điều hành gỡ khó.
- Cùng Ban điều hành tìm kiếm công việc để đạt được kết quả sản xuất kinh doanh theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 có lợi nhuận cao hơn năm 2021. Việc phân phối lợi nhuận năm 2022 sẽ có Tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Các tồn tại: Bên cạnh những việc đã làm được, Hội đồng quản trị nghiêm túc kiểm điểm lại hoạt động quản trị trong năm qua, cụ thể:
 - Năm 2022 lại thêm một năm Công ty không hoàn thành hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và kỳ vọng của cổ đông. Các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu và đặc biệt chỉ tiêu về lợi nhuận đạt rất thấp so với Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.
 - Để thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, năm qua, Hội đồng quản trị đã có những phiên họp thường xuyên và tổ chức nhiều cuộc xin ý kiến các thành viên giải quyết và gỡ khó kịp thời cho Ban điều hành. Nhưng các tồn tại về tài chính của Công ty vẫn có những bước tiến rất chậm. Việc thu hồi công nợ tồn đọng không có tiến triển.

3. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác:

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát Tổng giám đốc và người điều hành khác thông qua các hoạt động:

- Tham dự các cuộc họp giao ban về sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty;
- Thường xuyên chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành và kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động của Ban điều hành.
- Theo dõi sát sao tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Tổng giám đốc và Ban điều hành.

3148
 CÔNG
 CỔ PHẦN
 TƯ VÀ X
 CÔNG NG
 XUÂN

- Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực và quyết tâm của Tổng giám đốc và người điều hành khác, đã hoàn thành nhiệm vụ quản lý và điều hành trong năm 2022. Trong năm vừa qua Tổng giám đốc và người điều hành khác đã thực hiện theo đúng phân cấp giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và Ban điều hành. Ban điều hành đã giữ được mối quan hệ đồng thuận và khích lệ được tinh thần làm việc tập thể để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Báo cáo về các giao dịch: không có

5. Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT:

Việc chi trả thù lao HĐQT, BKS và thư ký Công ty được thực hiện đúng theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT	x 3.000.000đ/ng/th	x 12 tháng	= 36.000.000đ
- 04 thành viên:	x 2.000.000đ/ng/th	x 12 tháng	= 96.000.000đ
- Trưởng BKS	x 2.000.000đ/ng/th	x 12 tháng	= 24.000.000đ
- 02 thành viên BKS	x 1.000.000đ/ng/th	x 12 tháng	= 24.000.000đ
- Thư ký Công ty	x 1.000.000đ/ng/th	x 12 tháng	= 12.000.000đ
Tổng cộng:			192.000.000đ

6. Phương hướng hoạt động năm 2023:

Trong năm 2023 Hội đồng quản trị sẽ chủ động bám sát tình hình sản xuất kinh doanh, đồng hành cùng Ban điều hành đưa ra các quyết sách hợp lý và kịp thời để Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu chính cơ bản sau:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh:
 - + Sản lượng: 98,000 tỷ VNĐ
 - + Doanh thu: 65,500 tỷ VNĐ
 - + Lợi nhuận: 400 triệu VNĐ
- Xây dựng, quảng bá thương hiệu Công ty, mở rộng thị trường, xâm nhập thị trường mới đẩy mạnh công tác tìm kiếm công việc.
- Thực hiện quản lý và kiểm soát tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua bộ máy điều hành tập trung.
- Cùng Ban điều hành tiếp tục hạn chế các rủi ro về tài chính, chú trọng quản trị rủi ro.



Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
Về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Căn cứ Luật DN, Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty CP ĐT&XDCN;
Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2022 Công ty CP ĐT&XDCN;
Ban kiểm soát báo cáo ĐHCĐ Công ty CP ĐT&XDCN nội dung sau:

- *Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2022.*
- *Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2022.*
- *Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành năm 2022.*
- *Tổng hợp, đánh giá và một số kiến nghị của Ban kiểm soát.*

I. Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2022

1. Phân phối lợi nhuận năm 2021:

Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022 đã quyết định không phân phối lợi nhuận (*chia cổ tức, trích lập các quỹ*) từ kết quả SXKD năm 2021 (lãi sau thuế 34,8 triệu đồng), giữ lại để bù đắp, xử lý các tồn tại tài chính của các Xí nghiệp.

2. Nghị quyết về kết quả SXKD năm 2022

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Năm 2022			
			KH năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ % 2022/2021	Tỷ lệ % TH/KH 2022
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3/1</i>	<i>5=3/2</i>
1	Doanh thu	10.140	40.000	27.006	266%	67,5%
2	Lợi nhuận sau thuế	35	400	75	214,3%	18,75%
3	Thu nhập bình quân (<i>triệu đồng/người/tháng</i>)	6.000.000	>6.000.000	6.500.000	108%	100%

Năm 2022, Công ty không hoàn thành kế hoạch SXKD, doanh thu đạt 70,8% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 18,75% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu do:

- *Về chỉ tiêu doanh thu:*

Khi xây dựng kế hoạch năm 2022, Công ty dự kiến doanh thu công trình điện nước chợ Lãng Cô (XN 1) với giá trị **20 tỷ đồng**, nhưng thực tế mới chỉ thực hiện 1 phần việc với giá trị doanh thu thực hiện trên **1,2 tỷ đồng**.

- Về chỉ tiêu lợi nhuận:

+ Do sản lượng doanh thu thấp dẫn đến lợi nhuận thu được thấp (*tỷ lệ lãi gộp bình quân thấp, khoảng từ 2-2,5% doanh thu*).

+ Do nhà nước áp dụng đơn giá giá thuê đất năm 2022 tăng nên tiền thuê đất tại 02 khu đất 158 Hạ Đình và khu Vĩnh Quỳnh tăng gần 400 triệu đồng so với năm 2021.

+ Do các khoản đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác chưa hiệu quả, không có cổ tức.

Như vậy, lợi nhuận năm 2022 của Công ty được bù đắp chủ yếu là nguồn thu nhập từ việc cho thuê tài sản là văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.

3. Nghị quyết về lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022:

Công ty lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam là đơn thực hiện kiểm toán BCTC năm 2022. Trình tự, thủ tục ký hợp đồng kiểm toán được Ban điều hành Công ty thực hiện theo thẩm quyền, phù hợp với điều lệ Công ty.

4. Nhân sự thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ nhiệm kỳ 2022-2027

Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022 đã thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027 như sau:

a. Nhân sự HĐQT:

- Ông Trần Gia Hưng - Chủ tịch HĐQT (*được bầu theo BB họp HĐQT ngày 25/05/2022*)

- Ông Phạm Hùng - Thành viên.

- Ông Đinh Văn Viện - Thành viên.

- Ông Vũ Khắc Đáp - Thành viên.

- Bà Nguyễn Thị Vinh - Thành viên.

b. Nhân sự BKS

- Ông Đặng Quang Cường - Trưởng ban (*được bầu theo BB họp BKS ngày 25/05/2022*).

- Ông Đỗ Văn Hùng - Thành viên

- Ông Đinh Viết Thường - Thành viên

b. Nhân sự Ban Tổng Giám đốc:

- Ông Nguyễn Nhất Tuấn - Tổng giám đốc (*được bổ nhiệm thay thế ông Phạm Hùng theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT ngày 26/05/2022 của HĐQT*).

- Ông: Ông Trần Gia Hưng - Phó Tổng Giám đốc.

- Ông: Nguyễn Anh Dương - Phó Tổng Giám đốc (*miễn nhiệm theo nghị quyết số 26/NQ-HĐQT ngày 29/7/2022 của HĐQT*).

5. Nghị quyết về thù lao HĐQT, BKS năm 2022:

TT	Nội dung	Kế hoạch	Đã chi trả	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000	
2	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000	04 TV
3	Trưởng BKS	24.000.000	24.000.000	
4	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000	02 TV
3	Thư ký Công ty	12.000.000	12.000.000	
	Tổng cộng	192.000.000	192.000.000	

II. Báo cáo tài chính năm 2022

BCTC năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán CPA Việt Nam.

1. Một số chỉ tiêu trong BCTC năm 2022 (ĐVT: Triệu đồng).

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Ghi chú
I	Tổng tài sản	173.337	140.993	
1	Tài sản ngắn hạn	153.509	122.349	
-	Phải thu khách hàng	32.850	23.516	
-	Hàng tồn kho	35.303	26.631	
2	Tài sản dài hạn	19.827	18.643	
-	Tài sản cố định	4.057	4.366	
II	Tổng nguồn vốn	173.337	140.993	
1	Nợ phải trả	123.382	91.110	
-	Nợ ngắn hạn	123.382	91.110	
2	Vốn chủ sở hữu	49.954	49.882	
-	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000	40.000	
III	Kết quả kinh doanh			
1	Tổng doanh thu (bán hàng + TN khác)	28.340	11.707	
2	Lợi nhuận sau thuế	75	35	

2. Phân tích, đánh giá một số chỉ tiêu tài chính:

3. Đánh giá một số nội dung trong BCTC.

3.1 Công tác quản lý công nợ

Theo báo cáo, tổng số công nợ phải thu, phải trả của Công ty tỷ lệ đối chiếu đạt được thấp, công nợ đối chiếu được chủ yếu phát sinh tại Văn phòng Công ty và Xí nghiệp 1, là những đơn vị đang hoạt động. Còn lại của các chi nhánh khác như XN5 và XN7 do tình hình hiện tại đã tạm ngừng hoạt động nên việc đối chiếu công nợ là rất khó khăn.

Riêng đối với các khoản công nợ phải thu CĐT là Bộ Công an tại XN7, hiện nay Công ty đang yêu cầu giám đốc XN7 là Ông Nguyễn Văn Tuyển phối kết hợp Công ty để hoàn tất toàn bộ hồ sơ thanh quyết toán các gói thầu thu hồi vốn. Tuy nhiên việc thanh quyết toán còn chậm, gặp nhiều khó khăn do CĐT có sự cơ cấu lại tổ chức (sát nhập, bỏ cấp Tổng cục). Tổng số công nợ còn thu hồi đang làm hồ thanh quyết toán khoảng 7,5 tỷ đồng (6 gói thầu).

- Đối với nợ thuế tại XN 7 (2,8 tỷ đồng) và XN 5 (618 triệu đồng), đây là toàn bộ tiền chậm, phát sinh từ những năm trước. Ngày 24/05/2022, Sở KHĐT Hà Nội đã ban hành quyết định thu hồi Giấy ĐKKD của XN 7 và XN 5. Việc cơ quan thuế có thông báo cho Công ty trách nhiệm, nghĩa vụ phải trả nợ thay nợ thuế của các XN này sẽ tạo áp lực rất lớn cho Công ty. Công ty đã có văn bản gửi Cục thuế TP Hà Nội để giải trình, xin giãn nợ, giảm nợ để Công ty có thời gian thu hồi các khoản công nợ của 02 XN để có nguồn thanh toán trả NSNN, hiện Công ty đang hoàn thiện các thủ tục theo hướng dẫn của Cơ quan thuế.

- Đối với công nợ phải trả Công ty Tuấn Cường 1,017 triệu đồng, phát sinh tại XN 5 theo quyết định của Tòa án (đã báo cáo tại Đại hội cổ đông năm trước): Trong năm 2022, Công ty đã buộc phải thi hành trả nợ thay cho XN 5 theo quyết định của cơ quan thi hành án, phải trả cho Công ty Tuấn Cường số tiền trên.

Nhận xét, đánh giá về công tác quản lý công nợ, chi phí dở dang:

Các khoản công nợ phải thu, phải trả và chi phí dở dang còn tồn đọng lớn, không biến động trong nhiều năm; tỷ lệ đối chiếu thấp, tập trung chủ yếu là công trình giao khoán Đội xây lắp, chủ yếu ở các Xí nghiệp. Các tồn tại này chưa được rà soát, đánh giá và có biện pháp xử lý triệt để, việc này đã được đơn vị kiểm toán có ý kiến tại Báo cáo tài chính năm 2022.

3.2. Đầu tư tài chính và thu cổ tức.

Tổng vốn đầu tư tài chính dài hạn vào doanh nghiệp khác tại ngày 31/12/2022 là 15.300 triệu đồng, chi tiết như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên Đơn vị đầu tư	VĐL	Vốn góp	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số trích lập dự phòng
1	Công ty CP ICIC 24	27.000	6.500	24,07%	
2	Công ty CP ICIC số 3	10.000	2.000	20%	55
3	Công ty CP Tư vấn thiết kế kiến trúc và XDCN	1.500	300	20%	
4	Công ty CP ICIC số 9	10.000	2.000	20%	
5	Công ty CP ĐT&CGXD	15.000	2.500	16,67%	
6	Công ty CP BTLT VINAINCON	40.000	2.000	5%	975
	Cộng		15.300		1.030

- Năm 2022, Công ty không đầu tư thêm vốn và không có nguồn thu cổ tức tại các đơn vị nói trên.

- Công ty chưa trích lập dự phòng bổ sung đối với khoản đầu tư tại Công ty CP BTLT VINAINCON theo quy định (Thông tư số 48/2019/TT-BTC).

3.4. Tình hình trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

+ Số dư dự phòng tại ngày 01/01/2022: 3.750 triệu đồng.

+ Số trích lập năm 2022: 0 triệu đồng.

- + Số hoàn nhập năm 2022: 0 triệu đồng.
- + Số dư dự phòng tại ngày 31/12/2022: 3.750 triệu đồng.

3.5 Quản lý tài sản cố định.

- Trong năm 2022, Công ty không đầu tư/mua sắm TSCĐ.
- Thanh lý tài sản cố định: Năm 2022, XN 1 thực hiện thanh lý 01 TSCĐ (máy đào Komatsu PC200-2) với nguyên giá 476 triệu đồng (đã hết khấu hao), giá trị thu hồi (trước thuế) là 91 triệu đồng. Hồ sơ thanh lý cơ bản được đơn vị lập đầy đủ theo quy định.
- Khấu hao tài sản trong năm 2022 là 308 triệu đồng (bằng năm 2021).

3.6 Công tác khai thác (cho thuê) tài sản.

Công ty hiện đang khai thác cho thuê tài sản sau (số liệu 2022) tại 3 địa điểm là: (1) Trụ sở 158 Hạ Đình; (2) Khu nhà xưởng, kho bãi khu đất tại Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội; (3) Khu Văn phòng chi nhánh của Công ty tại địa chỉ Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.

Tổng doanh thu cho thuê tại các vị trí trên 2,495 tỷ đồng và chi phí thuê đất (tại 158 Hạ Đình và khu đất Vĩnh Quỳnh) năm 2022 là 469 triệu đồng.

3.7 Công tác quản lý và thực hiện các hợp đồng xây lắp 2022.

- Tổng giá trị các hợp đồng đã ký đến thời điểm báo cáo: 187,7 tỷ đồng (cả VP Công ty + Xí nghiệp: 10 hợp đồng), trong đó:

- + Giá trị các hợp đồng đã ký trước năm 2022: 24,3 tỷ đồng.
- + Giá trị các hợp đồng ký năm trong năm 2022: 156,6 tỷ đồng.
- + Giá trị các hợp đồng ký năm 2023 (đến thời điểm báo cáo): 6,7 tỷ đồng.
- Giá trị hợp đồng đã thực hiện đến hết năm 2022: 37 tỷ đồng.
- Giá trị hợp đồng chuyển sang năm 2023: 150 tỷ đồng.

3.8 Công tác lao động tiền lương (Văn phòng Công ty).

- Lao động bình quân: 17 người (lao động trong danh sách)
- Tổng quỹ lương năm 2022: 1,360 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân người lao động: 6.500.000 đồng/người/tháng.

IV. Về hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát:

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp, ban hành 12 nghị quyết/quyết định liên quan đến công tác Đại hội cổ đông, tín dụng, sản xuất kinh doanh,... của Công ty. Các nghị quyết/quyết định của HĐQT được ban hành đều tuân thủ Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Ban điều hành Công ty thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nỗ lực trong công tác tìm kiếm việc làm, ổn định sản xuất; tạo uy tín và thương hiệu của Công ty trên thị trường.

Ban kiểm soát được mời tham gia các cuộc họp của HĐQT để thảo luận các nội dung liên quan đến hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty; được HĐQT và Ban điều hành hỗ trợ trong công tác kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty.

V. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét:

Năm 2022, Công ty không hoàn thành kế hoạch SXKD. Sản lượng doanh thu thấp, tỷ lệ lãi gộp thấp, không đủ bù đắp chi phí quản lý, nguồn hoạt động được bù đắp chủ yếu từ nguồn thu cho thuê tài sản; Các tồn tại tài chính còn nhiều chưa được xử lý dứt điểm; tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với các khoản công nợ, chi phí dở dang; công tác đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác không hiệu quả, không có cổ

tức được chia từ nhiều năm nay; chưa đánh giá để thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ đối với các khoản công nợ, các khoản đầu tư tài chính.

Kiến nghị:

- Đề nghị Ban điều hành tăng cường công tác thị trường, tìm kiếm việc làm; đẩy nhanh tiến độ các công trình đã ký kết hợp đồng tăng sản lượng, doanh thu;

- Đề nghị Ban điều hành xây dựng, bổ sung, sửa đổi trình cấp thẩm quyền ban hành các quy chế/quy định về quản lý tài chính (*được ban hành từ tháng 7/2016*); quản lý hoạt động thi công xây lắp; quản lý công nợ phù hợp với mô hình tổ chức, quản lý Công ty.

- Đề nghị Ban điều hành tập trung đẩy nhanh công tác thanh quyết toán các công trình còn tồn đọng, dở dang để thu hồi công nợ; đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu – phải trả; rà soát, phân tích, đánh giá và phân loại công nợ, chi phí dở dang các công trình; quyết toán nội bộ các công trình với Đội để xác định lại công nợ chính thức, làm cơ sở bù trừ công nợ phải thu - phải trả đối với các khoản công nợ có cùng đối tượng để phản ánh đúng giá trị tài sản trong BCTC.

- Đề nghị Ban điều hành đánh giá lại khả năng thu hồi đối với chi phí dở dang các công trình khó thu hồi, rà soát công nợ (*phải thu, phải trả*) đối với các công trình này để có nguồn bù đắp đối với khoản rủi ro, tổn thất đối với chi phí dở dang này (nếu có).

- Đề nghị Ban điều hành đánh giá lại hiệu quả các khoản đầu tư tài chính tại các doanh nghiệp khác, báo cáo HĐQT, cấp có thẩm quyền thực hiện thoái vốn đầu tư tại các doanh nghiệp kinh doanh không hiệu quả, thua lỗ kéo dài. Đề nghị Hội đồng Quản trị Ban hành Quy chế đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

- Đề nghị Ban điều hành tiếp tục bám sát các vụ kiện, tranh chấp pháp lý để thu hồi các khoản tổn thất của Công ty; cân đối nguồn vốn nộp các khoản nợ thuế; làm việc với cơ quan thuế để xin xóa nợ, giảm nợ, gia hạn trả nợ thuế phải nộp tồn đọng của các XN, tránh áp lực tài chính lên Công ty.

- Xây dựng kế hoạch trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu tồn đọng, khó đòi, các khoản đầu tư tài chính; hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trích lập dự phòng theo quy định.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Thay mặt Ban kiểm soát, chúng tôi xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban điều hành đã hỗ trợ, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành chức năng, nhiệm vụ.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Đặng Quang Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP**

Số: 67/TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc: *Kết quả SXKD năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp (ICIC)
kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

+ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, cụ thể sau:

- Sản lượng thực hiện: 32,154 tỷ đồng
- Doanh thu: 27,006 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 75 triệu đồng
- Thu nhập bình quân: > 6.000.000 đồng/người/tháng

+ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

- Sản lượng thực hiện: 98 tỷ đồng
- Doanh thu: 65 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 400 triệu đồng
- Thu nhập bình quân: > 6.500.000 đồng/người/tháng

+ Lợi nhuận năm 2023: Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, Hội đồng quản trị sẽ có phương án trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 xem xét quyết định.

Kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Gia Hưng

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc: Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp;
Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp (ICIC) kính trình Đại hội cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán với các nội dung chính sau:

- Kết quả sản xuất kinh doanh:
 - Tổng doanh thu và thu nhập khác: 27.006.372.668 đồng
 - Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN: 75.022.846 đồng
- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được lập theo đúng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện kiểm toán và đã được đăng tải trên website Công ty và được công bố thông tin theo đúng quy định

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán.

Kính trình !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Gia Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP**

Số: 89/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc: Quyết toán thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2022,
Dự kiến thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp;
Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-ICIC-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp (ICIC) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua quyết toán thù lao Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát (“BKS”) Ban kiểm soát và thư ký Công ty năm 2021 và phương án trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2022 như sau:

1. Quyết toán thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2022:

- Tổng mức thù lao được duyệt: 192.000.000 đồng
- Thực tế thực hiện: 192.000.000 đồng

2. Phương án trả lương và thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023:

Dự kiến mức thù lao đối với thành viên HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2023 sẽ thực hiện như năm 2022, cụ thể sau:

- Chủ tịch HĐQT	x 3.000.000đ/ng/th x 12 tháng	= 36.000.000đ
- 04 thành viên	x 2.000.000đ/ng/th x 12 tháng	= 96.000.000đ
- Trưởng BKS	x 2.000.000đ/ng/th x 12 tháng	= 24.000.000đ
- 02 thành viên BKS	x 1.000.000đ/ng/th x 12 tháng	= 24.000.000đ
- Thư ký Công ty	x 1.000.000đ/ng/th x 12 tháng	= 12.000.000đ
Tổng cộng:		192.000.000đ

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định thông qua mức chi trả thù lao cho từng chức danh HĐQT, BKS và Thư ký Công ty như trên.

Kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Gia Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP**
Số: 70 /TTr-ICIC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp;
Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp (ICIC) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

- + Lợi nhuận sau thuế năm 2022 là: 75.022.846 đồng;
- + Lợi nhuận năm 2022 sẽ giữ lại không chia cổ tức để: Giải quyết các tồn tại cũ của XNXD số 5 và XNXD số 7, tạo nguồn dự phòng, tìm kiếm công việc; Nếu còn sẽ cộng dồn lợi nhuận chia cổ tức vào các năm sau.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Gia Hưng

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc: đề xuất danh sách các đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp;

Trên cơ sở danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cập nhật đến ngày 20/4/2023 của Bộ Tài chính, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau;

1. Thông qua danh sách bốn (04) Công ty kiểm toán độc lập để cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo Tài chính của Công ty năm 2023:
 - Công ty TNHH Kiểm toán quốc tế ICPA
 - Công ty TNHH kiểm toán BDO
 - Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam
 - Công ty TNHH kiểm toán & định giá Việt Nam (VAE)
2. Ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong bốn (04) Công ty kiểm toán nêu trên kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty năm 2023 dựa trên tiêu chí đảm bảo chất lượng, hiệu quả, chi phí hợp lý và đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Gia Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP**
Số: 72 TTr-ICIC-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc: Sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
Căn cứ thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
Căn cứ Điều lệ hiện hành Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn có liên quan (*xin gửi kèm theo dự thảo sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn chỉnh và ban hành Điều lệ Công ty theo quy định.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Gia Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP**
Số: 3/TTr-ICIC-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc: Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
Căn cứ thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn có liên quan (*xin gửi kèm theo dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn chỉnh và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo quy định.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Gia Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP**
Số: 49/TT-ICIC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
Căn cứ thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn có liên quan (xin gửi kèm theo dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn chỉnh và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo quy định.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Gia Hưng

Hà Nội, ngày 12 tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
Căn cứ thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn có liên quan (*xin gửi kèm theo dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Ban kiểm soát hoàn chỉnh và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty theo quy định.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Dặng Quang Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
(Sửa đổi, bổ sung theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14
ngày 17 tháng 6 năm 2020)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	10
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	10
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	10
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	11
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	11
Điều 10. Thu hồi cổ phần	12
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	12
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 12. Quyền của cổ đông	13
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	15
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 17. Thay đổi các quyền	19
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	23
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	27
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	29

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	30
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	31
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	32
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	33
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	33
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	33
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	34
IX. BAN KIỂM SOÁT	36
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	36
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	37
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	37
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	38
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	39
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	39
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	39
Điều 42. Trách nhiệm của người quản lý công ty	39
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	40
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	41
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	41
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	41
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	40
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	40
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	40
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	41
Điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	41
Điều 49. Năm tài chính	41
Điều 50. Chế độ kế toán.....	41
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	41
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	41
Điều 52. Báo cáo thường niên	42
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	42
Điều 53. Kiểm toán.....	42
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	42
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	42
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	42
Điều 55. Giải thể công ty	42

Điều 56. Gia hạn hoạt động.....	43
Điều 57. Thanh lý.....	46
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	46
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	46
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	47
Điều 59. Điều lệ công ty.....	47
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	47
Điều 60. Ngày hiệu lực.....	47

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm ...

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ) Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh:

INDUSTRIAL CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: **ICIC**

- Logo:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 158, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

- Điện thoại: 04.38583052

- Fax: 04.38583013

- E-mail: info@ici.com.vn

- Website: www.icic.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo pháp luật là cá nhân đại diện cho Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
4	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (Doanh nghiệp chỉ được kinh	

	doanh một hoặc nhiều ngành nghề này khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);	3822
5	Xây dựng nhà các loại	4100
6	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
7	Xây dựng công trình công ích Chỉ gồm có : Hệ thống tưới tiêu (Kênh);các bể chứa; hệ thống nước thải bao gồm cả sửa chữa; nhà máy sửa chữa nước thải; các trạm bơm, khoan nguồn nước;	4220
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chỉ gồm có: Xây dựng công trình công nghiệp; các nhà máy lọc dầu; các xưởng hoá chất; đường thuỷ bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê; xây dựng đường hầm; công trình thể thao ngoài trời ; xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng đến nhóm A, xây dựng các công trình thuỷ lợi,đường bộ, đường dây và trạm biến thế điện;	4290
9	Phá dỡ	4311
10	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm : Nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự);	4312
11	Lắp đặt hệ thống điện Chỉ bao gồm : Lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở,công trình dân dụng và công nghiệp gồm dây dẫn, thiết bị điện,đường dây thông tin liên lạc,mạng máy tính,dây cáp truyền hình bao gồm cả cáp quang học, hệ thống chiếu sáng,hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy,báo động chống trộm,tín hiệu điện,đèn phố;	4321
12	Lắp đặt hệ thống cấp,thoát nước nước,lò sưởi và điều hoà không khí	4322
13	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chỉ gồm có : Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
14	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
15	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết : Kinh doanh vật liệu xây dựng(Doanh nghiệp chỉ được	4663

	kinh doanh theo qui định của pháp luật) ;	
16	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
17	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Không bao gồm kinh doanh : Hoạt động thiết kế công trình trong ngành nghề này)	7410
18	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
19	Giáo dục nghề nghiệp (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh ngành nghề này khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép) ;	8532
20	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng loại công trình hạ tầng, thủy lợi, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công trình xây dựng-hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện loại công trình đường bộ; Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn; Thiết kế công trình kỹ thuật; Thiết kế công trình giao thông; Thiết kế công trình thủy lợi; Tư vấn lập dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình : Dân dụng,công nghiệp,giao thông,thủy lợi,hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn đầu thầu,tư vấn quản lý dự án đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính); Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, kỹ thuật và dự toán, quyết toán công trình xây dựng; Tư vấn giám sát chất lượng xây dựng; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng kiến trúc nội, ngoại thất công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Khảo sát, thiết kế kết cấu: Đối với công trình xây dựng dân dụng,công nghiệp; Thí nghiệm, kiểm định vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng; Thí nghiệm, kiểm định vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, công trình, công trình xây dựng;	7110
21	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết : Môi giới bất động sản; Định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;	6820
22	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết : Tư vấn đầu tư;	6619
23	Sản xuất sắt,thép,gang Chi tiết : Sản xuất kết cấu thép phục vụ các công trình dân dụng và công nghiệp;	2410
24	Chưng,tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh Chi tiết: Sản xuất rượu và nước giải khát có cồn;	1101
25	Bán buôn đồ uống	4633

	Chi tiết: Kinh doanh rượu và nước giải khát có cồn ;	
26	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện cơ khí phục vụ các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng ;	2392
27	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư kinh doanh nhà ở và hạ tầng khu công nghiệp; Kinh doanh bất động sản (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật);	6810
28	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh phương tiện phòng cháy chữa cháy (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật) ;	4659

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh về xây dựng và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu đem lại lợi nhuận tối đa cho các cổ đông và đảm bảo quyền làm chủ thực sự về phần vốn tham gia của mình; tạo việc làm ổn định cho người lao động; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia [Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan].

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng)**

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 4.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn một (01) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là [07 ngày] kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định của Điều lệ Công ty làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội

đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông

quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác];
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông

(hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ

đồng bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (*tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ*). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp

trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người

đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi

về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vì phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa

tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh

doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác (Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh,...); quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, e-mail, zalo và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, zalo.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc chi nhánh/Trưởng các đơn vị trực thuộc.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty

4. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và:

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty

- Trung thực, mẫn cán và có uy tín.

5. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

- g) Tuyển dụng lao động;

- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy

định tại Điều 8 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều 6 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm của người quản lý công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

- a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;
- c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;
- đ) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này

phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của

Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu trong 10 ngày chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 08 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**Người đại diện theo pháp luật
Tổng giám đốc**

Nguyễn Nhất Tuấn

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trần Gia Hưng

Vũ Khắc Đáp

Đinh Văn Viện

Phạm Hùng

Nguyễn Thị Vinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ:	4
CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 5. Thông báo mời họp và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.	7
Điều 7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 8. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu.....	8
Điều 9. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ.....	9
Điều 10. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 11. Hiệu lực của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 12. Ghi chép và lập Biên bản ĐHĐCĐ.....	11
Điều 13. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ	12
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	12
Điều 14. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên.....	12
Điều 15: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị... ..	12
Điều 16. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 17. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	15
Điều 18. Lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 19. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	17
Điều 20. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:.....	17
Điều 21. Lập Biên bản họp Hội đồng quản trị	17
Điều 22. Thông báo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.....	18
Điều 23. Người phụ trách quản trị Công ty	18
CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT	19
Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.	19
Điều 25. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	19
Điều 26. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	20
Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát	20
Điều 28. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	20
Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	21
Điều 30. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	21
Điều 31. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.....	21
CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC.....	21

Điều 32. Tổng Giám đốc.....	22
CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC.....	22
Điều 33. Nguyên tắc làm việc	22
Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.....	23
Điều 35. Quy định về hoạt động khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.	26
CHƯƠNG VII: SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ	28
Điều 36. Sửa đổi và bổ sung quy chế	28
CHƯƠNG VIII: NGÀY HIỆU LỰC.....	28
Điều 37. Ngày hiệu lực	28

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 202...

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ:

2.1. Chữ viết tắt:

1. “Công ty” là Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp.

2. “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp.
3. “HĐQT” là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp.
4. “BKS” là Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp.
5. “TGD” là Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp.

2.2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Web site”: Trang thông tin điện tử của Công ty.
2. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
3. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.
4. “Thành viên HĐQT không điều hành” (Sau đây gọi là thành viên không điều hành) là Thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
5. “Người phụ trách quản trị Công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
6. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông Công ty họp thường niên mỗi năm một lần. Hội đồng quản trị triệu tập ĐHĐCĐ thường niên trong thời hạn không quá 4 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Ban kiểm soát và cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ và pháp luật.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc phục vụ cuộc họp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:
 - a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ;
 - b. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ;
 - d. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ;
 - e. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ;
 - f. Điều kiện tiến hành;
 - g. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - h. Cách thức bỏ phiếu;
 - i. Cách thức kiểm phiếu;
 - j. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua;
 - k. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - l. Cách thức phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (Theo quy định của Điều 151 luật Doanh nghiệp).
 - m. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp
 - Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty và quy định tại Khoản 1 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
 - Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông được công bố trên web site của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thông báo mời họp và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc.
3. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp,

cách thức tải tài liệu để các cổ đông có thể tiếp cận được.

4. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải được lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty và phải nêu rõ: tên cổ đông ủy quyền, tên tổ chức/cá nhân được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, chữ ký, đóng dấu (nếu có) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải được Người được ủy quyền nộp cho Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông trước khi khai mạc Đại hội.
5. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - Xác định chương trình họp, thời gian, địa điểm tổ chức họp, các tài liệu họp phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty;
 - Gửi văn bản đăng ký với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc tiến hành ĐHĐCĐ;
 - Gửi văn bản đăng ký với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam để chốt danh sách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ.
 - Gửi thư mời đến từng cổ đông theo danh sách cổ đông nhận được từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Thư mời phải ghi rõ: địa điểm, giờ bắt đầu, các nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ và các thông tin khác cần chuyển đến cho cổ đông về tổ chức ĐHĐCĐ.
 - Công bố thông tin trên website Công ty.

Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, trước khi khai mạc, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và kiểm tra tư cách cổ đông dự họp, việc này phải thực hiện cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;
2. Cổ đông xác nhận tham dự ĐHĐCĐ là để giúp HĐQT tổ chức chu đáo và hạn chế lãng phí. Cổ đông sẽ xác nhận trước việc tham dự ĐHĐCĐ bằng một trong những hình thức: điện thoại, gửi E-mail, gửi fax, gửi giấy xác nhận dự họp qua đường bưu điện, đăng ký với Phòng Tổ chức hành chính Công ty, hoặc trực tiếp với Thư ký HĐQT ít nhất 04 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ;
3. Việc đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm việc đăng ký cổ đông và đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông được đăng ký để xác minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp theo quy định để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bắt đầu một cách hợp lệ;
4. Trong trường hợp cổ đông cử hơn một người đại diện được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại

diện;

5. Các giấy tờ cần được mang tới cuộc họp, xuất trình và kiểm tra khi đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được ghi rõ trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: Căn cước công dân/Hộ chiếu/Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động (bản sao công chứng, chứng thực), Thư mời và Giấy ủy quyền được lập theo Mẫu của Công ty.

Điều 7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì các cuộc họp lần sau sẽ thực hiện theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 19 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu.

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ban tổ chức Đại hội sẽ phát cho mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp 01 phiếu biểu quyết và 01 phiếu bầu cử (trường hợp ĐHĐCĐ bầu HĐQT và BKS). Trên phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử sẽ ghi: số thứ tự, tên cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết để phục vụ kiểm phiếu bằng phần mềm máy tính. Tất cả các cổ đông và người được ủy quyền dự họp được quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình ĐHĐCĐ.
2. Cách thức biểu quyết:
 - a. Tại Đại hội trực tiếp, việc biểu quyết có thể áp dụng theo hình thức bỏ phiếu hoặc biểu quyết trực tiếp.

Việc biểu quyết các nội dung họp được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp tại Đại hội: Nội dung biểu quyết ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp biểu quyết bằng việc lựa chọn một (01) trong ba (03) phương án: Tán thành, Không tán thành hoặc không có ý kiến.

Việc biểu quyết các nội dung họp được thực hiện theo hình thức biểu quyết trực tiếp tại Đại hội: Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Phiếu biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội.
 - b. Nguyên tắc bỏ phiếu:
 - Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc của Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu được niêm phong và những cổ đông không tham gia

bỏ phiếu được coi là không có ý kiến.

- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.

c. Cách thức kiểm phiếu:

Việc kiểm phiếu có thể được thực hiện bằng phần mềm máy tính, áp dụng công nghệ thông tin trong kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chịu trách nhiệm tiến hành kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

3. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 9. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các Nghị quyết ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ trường hợp qui định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp và mục a khoản 2 Điều 18 của Điều lệ Công ty.
3. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản Hội đồng quản trị phải thực hiện các nhiệm vụ sau:
 - Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty;
 - + Mục đích lấy ý kiến;
 - + Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua và các tài liệu kèm theo;
 - + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - Gửi phiếu lấy ý kiến cùng với các tài liệu khác có liên quan cho tất cả

các cổ đông có quyền biểu quyết bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- + Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- + Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- + Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- + Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

6. Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu, Công ty phải đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết. Trong trường hợp website Công ty không có hoặc không sử dụng được, Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được Công ty gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong Đại hội, cổ đông có thể công khai phát biểu không đồng ý và sử dụng phiếu để biểu quyết không tán thành, có thể không tham gia biểu quyết. Tuy nhiên, sau khi Đại hội đã biểu quyết thì phải tuân thủ kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ.
2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:
 - a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 11. Hiệu lực của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Ghi chép và lập Biên bản ĐHĐCĐ

Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm ghi chép và lập Biên bản ĐHĐCĐ và thông

qua Nghị quyết tại Đại hội. Việc ghi chép và lập Biên bản ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua hợp lệ theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến;

Công ty công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ trong thời hạn 24 giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty, trên phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Ủy Ban chứng khoán Nhà nước.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi của cổ đông và của Công ty.
Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan. Trong đó có quyền được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện nhiệm vụ theo đúng pháp luật, để Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đúng pháp luật. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận; dành đủ thời gian để tìm hiểu và nắm rõ tình hình kinh doanh của Công ty.
4. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.

Điều 15: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Công ty phải công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật về công

bố thông tin.

Điều 16. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
 - c. Trường hợp 01 thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác thay thế. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế trong trường hợp này phải được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
 - d. Cơ cấu thành viên HĐQT: cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp và đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty.
 - Không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên 05 Công ty khác.
 - c. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm Tổng giám đốc điều hành.
3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được các ứng viên) được công bố trên website Công ty hoặc dưới hình thức khác tối thiểu 10 ngày hoặc một khoảng thời gian hợp lý trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.
 - b. Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được

công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Nơi thường trú;
 - Số CCCD, ngày, tháng, năm và nơi cấp
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
 - Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - Họ tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên;
 - Các thông tin khác (nếu có).
- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, số lượng đề cử cụ thể thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm và phải gửi về Ban tổ chức đại hội trước khi khai mạc ĐHĐCĐ theo thời gian cụ thể quy định tại Quy chế bầu cử của Công ty.
- d. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử thêm ứng viên được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.
4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:
- a. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- b. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do chủ tọa quyết định theo một phương thức mà ĐHĐCĐ cho là phù hợp.
- c. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi Biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
- a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Có đơn từ chức gửi tới trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
 - Khi có văn bản yêu cầu của tổ chức/pháp nhân cử người đại diện phần vốn đề nghị miễn nhiệm người họ đã cử;
 - Không đủ trình độ chuyên môn kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty quy định tại Điều lệ Công ty;
 - Thành viên đó không tham dự các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và xác nhận vị trí của thành viên này bị bỏ trống.
 - b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Thành viên đó cung cấp thông tin không trung thực khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.
 - c. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
 - d. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời gian không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
 - e. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán về công bố thông tin.
6. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc các pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị phải có yêu cầu bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét và quyết định.

Điều 17. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị để thực hiện các nội dung công việc của Hội đồng quản trị đã được quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ:
 - Chịu trách nhiệm liên lạc với các cổ đông;
 - Theo dõi và đôn đốc các hoạt động của Tổng giám đốc;
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị có tham khảo ý kiến Tổng giám đốc và Thư ký Công ty;
 - Chuẩn bị chương trình, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT định kỳ hay bất thường, bảo đảm không có thành viên nào chi phối cuộc thảo luận và cuộc thảo luận thu hút sự tham gia của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, tập hợp được nhiều ý kiến khác nhau và nỗ lực để đạt được sự đồng thuận của các thành viên Hội đồng quản trị;
 - Tổ chức việc thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị dưới những hình thức khác;
 - Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
 - Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

- Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí Công ty.

Điều 18. Lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại điều 28 Điều lệ Công ty.

Điều 19. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường trong các trường hợp nhất định theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Thủ tục, trình tự, thời hạn, hình thức và các điều kiện khác để tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị phải tuân thủ quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.
3. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ mời Ban kiểm soát tham dự. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
5. Tùy theo nội dung cuộc họp Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mở rộng thành phần mời dự họp. Thành viên được mời dự họp có quyền tham gia ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 20. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

1. Biểu quyết:

Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người thay thế thành viên Hội đồng quản trị và người được ủy quyền tham dự họp sẽ có một phiếu biểu quyết.

Hội đồng quản trị sẽ thông qua nghị quyết và ra quyết định theo đa số (hơn 50%) trên số thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Thông qua nghị quyết bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản:

Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết bằng văn bản.

Căn cứ vào kết quả xin ý kiến, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề đã được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua.

Nghị quyết này có giá trị và hiệu lực như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp.

Điều 21. Lập Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số, ngày cấp, nơi cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì Biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong Biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 22. Thông báo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được thông báo tới Ban Kiểm soát đồng thời và người điều hành Công ty theo cùng phương thức và phải được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 23. Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm Người phụ trách quản trị Công ty và kiêm nhiệm các nhiệm vụ Thư ký Công ty và Thư ký Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

1. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm làm Người phụ trách quản trị Công ty:
 - Phải hiểu biết về pháp luật, nắm vững các quy định pháp luật liên quan đến Công ty và thị trường chứng khoán;
 - Không phải là người đang làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - Am hiểu hoạt động của Công ty;
 - Phẩm chất đạo đức: có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và Công ty;
 - Các tiêu chuẩn khác theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật,
3. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:
Hội đồng quản trị miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp khi có đề xuất của Tổng Giám đốc và đa số (3/5) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành miễn nhiệm và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty mới thay thế.
 - b) Có đơn từ chức. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành Quyết định miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty và tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty mới để thay thế.
4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty: thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 25. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
 - b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn

trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

2. Trường hợp vi phạm quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
3. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả

Điều 26. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, và khoản 2 Điều 37 Điều lệ và Điều 6 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 28. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Quy chế hoạt động ban kiểm soát.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ và Điều 50 Quy chế này;
 - b) Là đại diện của cổ đông pháp nhân mà cổ đông đó bị mất tư cách pháp nhân;
 - c) Kiểm soát viên đương nhiệm là đại diện của cổ đông và cổ đông đó muốn thay thế đại diện của mình. Trường hợp này, cổ đông phải gửi yêu cầu bằng văn bản tới Hội đồng quản trị và ban kiểm soát để xem xét giải quyết theo quy định hiện hành;
 - d) Có đơn từ chức và được chấp thuận; Trường hợp này Kiểm soát viên phải gửi đơn đến Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định pháp luật và Điều lệ;
 - d) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang phải chấp hành hình phạt tù; hoặc bị cơ quan có thẩm quyền tước giấy phép hành nghề do vi phạm pháp luật;

Điều 30. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Điều 31. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát phù hợp theo quy định pháp luật và theo quy định tại Điều lệ công ty

CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 32. Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc Công ty là người điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm hoặc thuê người khác ký Hợp đồng lao động
3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng giám đốc trong trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
4. Tổng giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty.
6. Nhiệm kỳ Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
7. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 64 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 35 Điều lệ Công ty.
8. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định theo kết quả và hiệu quả kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật và quy định của Điều lệ Công ty.
9. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc Công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 33. Nguyên tắc làm việc

1. Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, sự phát triển của Công ty.
2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.
3. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi công việc và cung cấp thông tin qua lại theo

tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định.

4. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có thể thông tin ngay bằng phương thức gặp mặt trực tiếp, điện thoại, e-mail cho chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc cả 3 người đó để giải quyết công việc được hiệu quả nhất.

Điều 34. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT cùng các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định.

Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có thể thông tin ngay bằng phương thức gặp mặt trực tiếp, điện thoại, e-mail cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc cả 3 người đó để giải quyết công việc được hiệu quả nhất.

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:
 - a. Hội đồng quản trị sẽ mời đại diện Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Đại diện Ban kiểm soát có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT.
 - b. Các văn bản thông báo kết quả cuộc họp/Nghị quyết của HĐQT được gửi đến Ban kiểm soát trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc, cùng thời điểm cung cấp cho các thành viên HĐQT.
 - c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác, nội dung văn bản này phải nêu rõ mục đích cuộc họp và nội dung cần thảo luận. Trường hợp không triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty.
 - d. HĐQT phải phản hồi ý kiến khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán.
 - e. Các nội dung khác cần có ý kiến của Ban kiểm soát phải được gửi trong thời hạn quy định và Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.
 - f. Ban kiểm soát phải thông báo kịp thời với HĐQT về kết quả hoạt động kiểm soát tại Công ty, đồng thời làm việc với HĐQT để trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với ĐHCĐ.

- g. Trong các phiên họp của Ban kiểm soát có quyền mời thành viên HĐQT, công ty kiểm toán độc lập tham gia để thảo luận/trả lời các vấn đề liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời họp ít nhất 03 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra. Trưởng ban kiểm soát sẽ thông báo kết quả cuộc họp bằng văn bản cho HĐQT trong thời gian 03 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.
 - h. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra Ban kiểm soát phải bàn bạc thống nhất với HĐQT trước khi báo cáo ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào Biên bản và Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất.
 - i. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm Điều lệ Công ty hoặc vi phạm pháp luật của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
 - j. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty, Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
2. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc:
- a. Tổng giám đốc Công ty là người điều hành mọi hoạt động của Công ty đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
 - b. Hội đồng quản trị có thể mời Tổng giám đốc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị khi thấy cần thiết. Tổng giám đốc có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.
 - c. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của HĐQT phải được gửi đến Tổng Giám đốc trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc, cùng thời điểm cung cấp cho các thành viên HĐQT.
 - d. HĐQT sẽ thông báo cho Tổng giám đốc công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông để phối hợp và triển khai thực hiện.
 - e. HĐQT có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết và các quyết định của HĐQT.

- f. Khi cần thiết HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người điều hành khác cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty, Tổng Giám đốc người điều hành khác có trách nhiệm phải cung cấp/báo cáo ngay. HĐQT không được phép sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- g. Tổng Giám đốc phải xin ý kiến/trình HĐQT bằng văn bản khi có những việc vượt quá thẩm quyền hoặc chưa rõ cách xử lý. Trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, sự cố bất ngờ,...), Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.
- h. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho Công ty, Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT để ra quyết định điều chỉnh. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện theo quyết định của HĐQT nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị trước ĐHĐCĐ gần nhất.
- i. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến đối với các quyết định của HĐQT nếu thấy trái pháp luật và báo cáo giải trình ngay với HĐQT và Ban kiểm soát bằng văn bản.
- j. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT:
 - + Chậm nhất vào ngày 31/12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch SXKD chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.
 - + Tổng giám đốc phải chuẩn bị các bản dự toán (*dài hạn, hàng năm, hàng quý*) của Công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh. Bản dự toán hàng năm cho từng năm tài chính (*bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động SXKD và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến*) phải được trình HĐQT thông qua.
 - + Tổng giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, BHXH, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động.
 - + Tổng Giám đốc phải báo cáo HĐQT các vấn đề sau: các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty, ảnh hưởng đến Công ty, cổ đông và thị trường. Tổng Giám đốc phải báo cáo về việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, kém hiệu quả hoặc thua lỗ. Trường hợp không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hoặc thua lỗ liên tục mà không có phương án tích cực để cải thiện thì HĐQT sẽ bãi nhiệm Tổng Giám đốc.
 - + Các nội dung Tổng giám đốc cần xin ý kiến HĐQT phải được gửi

trước ít nhất là 07 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.

+ Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 07 ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định.

3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

- Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tiếp cận/cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm.
- Tổng giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 35. Quy định về hoạt động khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

1. Hàng năm căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ. Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo một hoặc một số phương thức sau:
 - a. Tự nhận xét, đánh giá;
 - b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
 - c. Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.
2. Khen thưởng, kỷ luật:
 - a. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
 - b. Tổng giám đốc điều hành quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý do Tổng giám đốc bổ nhiệm.
 - c. Nguyên tắc xử lý, các hình thức xử lý, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng kỷ luật của Công ty.
3. Đối với thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Đánh giá hoạt động: Hội đồng quản trị sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên (gồm cả Chủ tịch Hội đồng quản trị) theo định kỳ 06 tháng và hàng năm, dựa theo chức năng nhiệm vụ được giao cụ thể, chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Hội đồng quản trị có quyền sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của Hội

đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để chi thưởng căn cứ vào Quy chế thi đua khen thưởng kỷ luật của Công ty.

- c. Kỷ luật: Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của mình. Các thành viên HĐQT, thành viên ban kiểm soát, ban Tổng giám đốc và người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn của mình sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra có thể bị kỷ luật.
- d. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, ban Tổng giám đốc và người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ của mình mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật, quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Đối với thành viên Ban kiểm soát:

- a. Đánh giá hoạt động: Ban kiểm soát sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên theo định kỳ 06 tháng và hàng năm, dựa theo chức năng nhiệm vụ được giao cụ thể, chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.
- b. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Trưởng ban kiểm soát sẽ đề nghị HĐQT thẩm định và quyết định sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để chi thưởng cho các thành viên căn cứ vào Quy chế thi đua khen thưởng kỷ luật của Công ty.
- c. Kỷ luật: Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể bị kỷ luật, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

5. Đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác:

- a. Đánh giá hoạt động: Hội đồng quản trị sẽ đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng giám đốc và người điều hành khác theo định kỳ 06 tháng và hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, có tham khảo ý kiến của Trưởng ban kiểm soát.
- b. Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng giám đốc và người điều hành khác theo chính sách đã thiết lập hoặc thỏa thuận trước, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản

lý. Hội đồng quản trị có quyền sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi để chi khen thưởng chung (trong đó có Tổng giám đốc và người điều hành khác).

- c. Kỷ luật: Tổng giám đốc và người điều hành khác chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có thể bị kỷ luật, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

CHƯƠNG VII: SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ

Điều 36. Sửa đổi và bổ sung quy chế

1. Việc sửa đổi và bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty ICIC.

CHƯƠNG VIII: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 37. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 8 Chương và 37 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp thông qua, cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này và có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký xác nhận của Tổng giám đốc Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2023

MỤC LỤC

Chương I	3
QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	3
Chương II	4
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	8
Chương III	8
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	10
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.	11
Chương IV	12
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	12
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	13
Chương V	14
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	14
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	14
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	15
Chương VI	16
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành	16
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	17
Chương VII	17
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	17
Điều 23. Hiệu lực thi hành	17

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có năng lực hành vi dân sự, hiểu biết về pháp luật, có năng lực giải quyết những vấn đề chiến lược dài hạn của Công ty, sẵn sàng thực hiện quyền hạn trên tinh thần hợp tác.
- c) Có trình độ chuyên môn, năng lực kinh doanh, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh, hiểu sâu sắc về các nguyên tắc kinh doanh hoặc có nhiều năm công tác trong ngành nghề SXKD của Công ty và đã từng tham gia quản lý doanh nghiệp;
- d) Có thể không phải là cổ đông của Công ty;
- e) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên 05 Công ty khác

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt

hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên

Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định của Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu

bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế nội bộ về công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác (Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các chi nhánh, trưởng các phòng chức năng) do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều

115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực

thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, e-mail, zalo và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

- d) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm

nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của

doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định đề Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát các hoạt động của Tổng giám đốc và bộ máy điều hành và việc thực

hiện các nghị quyết, quyết định.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	3
Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ	3
CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	4
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát	5
Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	6
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	6
CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	7
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	9
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	9
CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát	10
Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát	10
CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	10
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm	10
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác	11
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	11
CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	12
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	12
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	12
CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	12
Điều 23. Hiệu lực thi hành	12

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều lệ Công ty CP Đầu tư và xây dựng công nghiệp;

b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

e) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

f) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

g) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

h) *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 169 của luật doanh nghiệp.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 60% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 60% đến dưới 80% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 80% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

3. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty đề cổ đông

có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày

làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ

với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ

sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và xây dựng công nghiệp bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp;
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số .../BB-ĐHĐCĐ ngày 06/6/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo số của Tổng giám đốc về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
2. Báo cáo số về quản trị và hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo số về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2022.
3. Tờ trình số về Kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

* Kết quả SXKD năm 2022:

- Sản lượng thực hiện: 32,154 tỷ đồng
- Doanh thu: 27,006 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 75,02 triệu đồng
- Thu nhập bình quân: > 6.000.000 đồng/người/tháng

* Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

- Sản lượng thực hiện: 98 tỷ đồng
- Doanh thu: 65 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 400 triệu đồng
- Thu nhập bình quân: > 6.500.000 đồng/người/tháng

4. Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán.

5. Tờ trình số.....về quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022 là: 192.000.000 đồng; Phương án trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023: giữ nguyên như mức thực hiện của năm 2022, cụ thể sau:

- Chủ tịch HĐQT	x 3.000.000đ/ng/th x 12 tháng	= 36.000.000đ
- 04 thành viên	x 2.000.000đ/ng/th x 12 tháng	= 96.000.000đ
- Trưởng BKS	x 2.000.000đ/ng/th x 12 tháng	= 24.000.000đ
- 02 thành viên BKS	x 1.000.000đ/ng/th x 12 tháng	= 24.000.000đ
- Thư ký Công ty	x 1.000.000đ/ng/th x 12 tháng	= 12.000.000đ
Tổng cộng:		192.000.000đ

6. Tờ trình số..... về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 là: 75.022.846 đồng;

+ Lợi nhuận năm 2022 sẽ giữ lại không chia cổ tức để: Giải quyết các tồn tại cũ của XNXD số 5 và XNXD số 7, tạo nguồn dự phòng, tìm kiếm công việc; Nếu còn sẽ cộng dồn lợi nhuận chia cổ tức vào các năm sau.

7. Tờ trình số..... về việc đề xuất danh sách các đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

8. Tờ trình số..... về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.

9. Tờ trình số..... về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

10. Tờ trình số..... về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

11. Tờ trình số..... về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 2: Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung Nghị quyết này theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 3: Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công nghiệp thông qua với tỷ lệ biểu quyết đạt 100% và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các phòng ban, đơn vị trực thuộc và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Gia Hưng